Chi tiết mã HS 9618.00.00

Mã HS	9618.00.00
Mô tả hàng hóa	Ma-nơ-canh dùng trong ngành may và các mô hình cơ thể khác; mô hình tự động và các vật trưng bày cử động được khác dùng cho cửa hàng may mặc
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 15:42:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/96180000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18988
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18988
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18988
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18262
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18191
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18191
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18191
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18191
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18191
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18191
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18247
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18247

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18247
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18247
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18247
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18247
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E18248
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F18248
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18248
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18248
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18248
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18248
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18253
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18210
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18205
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18205
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18205
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18205
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18205
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18205
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18253
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18253
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18253
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18253
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18253
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18253
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18317
VCFTA	2023	2023	3	VC!E18317

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18317
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18317
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18317
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18317
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18291
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18291
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18291
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18291
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18291
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18291
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D18284
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E18284
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F18284
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G18284
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H18284
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18284
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18314
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18314
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18314
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18314
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18314
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18314
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18313
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18313
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18313
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18313

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18313
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18313
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18407
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18407
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18407
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18407
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18407
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18407
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18407
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D18278
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E18278
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F18278
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G18278
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H18278
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I18278
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D18278
RCEP B	2023	2023	20	B!E18278
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F18278
RCEP B	2025	2025	15	B!G18278
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H18278
RCEP B	2027	2027	10	B!I18278
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D18276
RCEP C	2023	2023	20	C!E18276
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F18276
RCEP C	2025	2025	15	C!G18276
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H18276

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	10	C!I18276
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D18275
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E18275
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F18275
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G18275
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H18275
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I18275
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D18280
RCEP E	2023	2023	20	E!E18280
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F18280
RCEP E	2025	2025	15	E!G18280
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H18280
RCEP E	2027	2027	10	E!I18280
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D18278
RCEP F	2023	2023	20	F!E18278
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F18278
RCEP F	2025	2025	15	F!G18278
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H18278
RCEP F	2027	2027	10	F!I18278
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F17130
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G17130
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H17130
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I17130

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9618.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9618.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18988), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.